

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình Bảo tồn và phòng dựng Chính điện - Khu di tích Lịch sử Lam Kinh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 3232/QĐ-UBND ngày 13/9/2010 về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Bảo tồn và phòng dựng Chính điện - Khu di tích lịch sử Lam Kinh, huyện Thọ Xuân, Thanh Hóa và Quyết định số 3643/QĐ-UBND ngày 26/9/2017 về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình Bảo tồn và phòng dựng Chính điện - Khu di tích lịch sử Lam Kinh, huyện Thọ Xuân, Thanh Hóa của Chủ tịch UBND tỉnh;

Căn cứ Văn bản số 178/BVHTTDL-DSVH ngày 14/01/2020 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc thẩm định điều chỉnh Dự án Bảo tồn và phòng dựng chính Điện - Khu di tích lịch sử Lam Kinh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 660/SXD-HĐXD ngày 12/02/2020 (kèm theo hồ sơ dự án),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh Dự án bảo tồn, phòng dựng Chính điện - Khu di tích lịch sử Lam Kinh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa với những nội dung sau:

1. Khái quát về dự án:

Dự án Bảo tồn và phòng dựng Chính điện - Khu di tích lịch sử Lam Kinh, huyện Thọ Xuân, Thanh Hóa được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3232/QĐ-UBND ngày 13/9/2010; phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 3643/QĐ-UBND ngày 26/9/2017 với tổng mức đầu tư: 259.113,868 triệu đồng (trong đó, chi phí xây dựng: 221.016,697 triệu đồng; chi phí thiết bị: 310,0 triệu đồng; chi phí QLDA: 2.883,263 triệu đồng; chi phí TVĐTXD: 9.241,668 triệu đồng; chi phí khác: 2.077,318 triệu đồng; chi phí dự phòng: 23.584,922 triệu đồng).

2. Lý do điều chỉnh:

Trong quá trình triển khai thi công công trình Bảo tồn và phòng dựng Chính điện - Khu di tích lịch sử Lam Kinh xuất hiện một số nội dung cần phải điều chỉnh, bổ sung để đảm bảo tính đồng bộ và phát huy hiệu quả dự án, UBND tỉnh đã có Tờ trình số 258/TTr-UBND ngày 26/12/2019 trình Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định điều chỉnh dự án Bảo tồn và phòng dựng Chính điện - Khu di tích lịch sử Lam Kinh. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã thẩm định điều chỉnh tại Văn bản số 178/BVHTTDL-DSVH ngày 14/01/2020.

3. Nội dung điều chỉnh:

3.1. Điều chỉnh, bổ sung một số hạng mục xây dựng:

- Bổ sung: Sơn sơn thép vàng và chạm khắc mặt sau vách Trung điện; diềm trang trí cột cái gian giữa; lan can hiện trước Tiền điện; đường lát đá hai bên; cảnh quan xung quanh Chính điện; bồn cây hiện trạng và vườn cây hai bên; hạ cốt nền trồng cây; cửa ngách hai bên Hậu điện; bệ gỗ (đặt tại ngưỡng cửa Tiền điện, Hậu điện); hệ thống diềm trang trí dạp xà cột cái gian bên; trang trí ván cánh cửa, bổ sung diềm cửa; bảo tồn dấu tích khảo cổ; lan can hồ khảo cổ; đường ống bảo ôn điều hòa; lan can đá và đường lát đá hai bên Chính điện; trang trí bờ nóc Trung điện; nhà bảo quản con giống; nghệ châu; đèn gỗ; đèn chiếu sáng ở bầy hiên; hệ thống thoát nước Chính điện; thiết bị điện trong nhà; nhà để cục nóng điều hòa.

- Điều chỉnh: Thêm sấu sau Hậu điện, sân và bậc sang bên Thái miếu; khu xà vách bình phong (vách Trung điện) - hai mặt; bó nền và tường chắn đất trước Tiền điện; điều chỉnh thêm rồng (thành 9 bậc); lò nung gốm; đường công vụ.

3.2. Điều chỉnh, bổ sung nội thất, đồ thờ: Bổ sung khung mùng màn bằng gỗ lim đục chạm; một số đồ ngự dụng của nhà vua.

3.3. Điều chỉnh, bổ sung thiết bị: Điều chỉnh, bổ sung Máy phát điện dự phòng 3 pha/50Hz, công suất 100KVA và vật tư phụ máy phát điện (cáp đồng, ống nhựa xoắn và bộ chuyển nguồn ATS); bổ sung hệ thống phòng cháy chữa cháy.

3.4. Điều chỉnh cấp công trình: Công trình dân dụng cấp III.

3.5. Điều chỉnh thời gian thực hiện dự án: Năm 2020.

4. Tổng mức đầu tư điều chỉnh: 259.113,868 triệu đồng (Bằng chữ: Hai trăm năm mươi chín tỷ một trăm mười ba triệu tám trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

Trong đó:

- Chi phí xây dựng + nội thất	:	241.066,396	triệu đồng;
- Chi phí thiết bị	:	657,700	triệu đồng;
- Chi phí QLDA	:	3.149,356	triệu đồng;
- Chi phí TVĐTXD	:	9.656,044	triệu đồng;
- Chi phí khác	:	3.468,756	triệu đồng;
- Dự phòng	:	1.115,615	triệu đồng;

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

5. Các nội dung khác: Thực hiện theo Quyết định số 3643/QĐ-UBND ngày 26/9/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa.

Điều 2. Chủ đầu tư (Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện đầu tư xây dựng công trình theo đúng các quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng công trình.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Kế hoạch và Đầu tư, Tài Chính, Xây dựng; Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (đề báo cáo);
- Lưu: VT, **VX**.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phạm Đăng Quyền

Phụ biểu: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ ĐIỀU CHỈNH

**Dự án đầu tư xây dựng công trình Bảo tồn và phòng dựng Chính điện
Khu di tích Lịch sử Lam Kinh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa**
Kèm theo Quyết định số: **669** /QĐ-UBND ngày **25** tháng 02 năm 2020
của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa

ĐVT: Triệu đồng

TT	Hạng mục	Tổng mức đầu tư theo Quyết định số 3643/QĐ-UBND ngày 26/9/2017	Khái toán giá trị điều chỉnh, bổ sung	Tổng mức đầu tư điều chỉnh	Tăng (+), giảm (-)
I	Tổng chi phí xây dựng	221.016,697	20.049,699	241.066,396	20.049,699
1	Chính điện (bao gồm Tiền điện, Trung điện, Hậu điện)	219.415,133			
2	Vận chuyển đất trọng, thử tải nền móng cột	240,770			
3	Chi phí xây dựng lò nung con giống	356,572			
4	Chi phí đường công vụ	1.004,221			
5	Hạng mục công việc điều chỉnh, bổ sung				
	<i>Phát sinh giảm giá trị Hợp đồng (Theo thông báo kết luận của Kiểm toán Nhà nước XI số 515/TB-KVXI ngày 08/9/2017)</i>		- 24.901,41		
	<i>Phát sinh tăng do điều chỉnh, bổ sung</i>		44.951,111		
II	Chi phí thiết bị	310,000	347,700	657,700	347,700
	<i>Phát sinh giảm theo quy mô được duyệt tại Quyết định 3643/QĐ-UBND</i>		- 310,000		
	<i>Phát sinh tăng do điều chỉnh, bổ sung công suất của thiết bị, bổ sung chi phí PCCC</i>		657,700		
III	Chi phí quản lý dự án:	2.883,263	266,093	3.149,356	266,093
IV	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	9.241,668	414,376	9.656,044	414,376
1	Chi phí đo vẽ đánh giá hiện trạng	24,000		24,000	
2	Chi phí lập dự án đầu tư XDCT	344,977		344,977	
3	Chi phí lập TKBVTC và Dự toán	5.382,465		5.382,465	
4	Chi phí thiết kế BVTC điều chỉnh - bổ sung		415,029	415,029	415,029
5	Chi phí thẩm tra TKBVTC và Dự toán điều chỉnh, bổ sung		42,706	42,706	42,706
6	Chi phí giám sát xây dựng	2.798,071		2.853,669	55,598

	<i>Phát sinh giảm theo thông báo kết luận của Kiểm toán Nhà nước XI số 515/TB-KVXI ngày 08/9/2017 (Quyết định số 642/QĐ-SVHTTDL ngày 28/11/2017 của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa)</i>		-254,37		
	<i>Phát sinh tăng do điều chỉnh, bổ sung</i>		309,968		
7	Chi phí giám sát lắp đặt thiết bị	2,093	1,043	3,136	1,043
8	Chi phí tư vấn lựa chọn nhà thầu xây dựng	120,062		120,062	
9	Chi phí thử nghiệm vật liệu	300,000		0,000	-300,000
	<i>Phát sinh giảm theo thông báo kết luận của Kiểm toán Nhà nước XI số 515/TB-KVXI ngày 08/9/2017 (Quyết định số 642/QĐ-SVHTTDL ngày 28/11/2017 của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa)</i>		-300,00		
10	Chi phí tổ chức hội nghị, nghiên cứu khoa học phục vụ thiết kế	270,000		270,000	
11	Chi phí thẩm định giá đồ thờ nội thất (tạm tính)		200,00	200,000	200,000
V	Chi phí khác	2.077,318	1.391,44	3.468,756	1.391,438
1	Chi phí bảo hiểm công trình	1.106,493		659,293	-447,200
	<i>Phát sinh giảm theo thông báo kết luận của Kiểm toán Nhà nước XI số 515/TB-KVXI ngày 08/9/2017 (Quyết định số 642/QĐ-SVHTTDL ngày 28/11/2017 của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa)</i>		-447,20		
2	Chi phí xây dựng phim trong quá trình thi công	110,000		110,000	
3	Chi phí kiểm toán	541,310		1.524,366	983,056
	<i>Phát sinh tăng theo Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2019 (Quyết định số 537/QĐ-SVHTTDL ngày 28/10/2016 của Giám đốc Sở VHTTDL Thanh Hóa)</i>		898,31		
	<i>Phát sinh tăng do điều chỉnh, bổ sung</i>		84,75		
4	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán công trình	163,170		435,649	272,479

	<i>Phát sinh tăng theo Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2019 (Quyết định số 537/QĐ-SVHTTDL ngày 28/10/2016 của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa)</i>		244,38		
	<i>Phát sinh tăng do điều chỉnh, bổ sung</i>		28,10		
5	Lệ phí thẩm định dự án	12,874	2,00	14,879	2,005
6	Lệ phí thẩm định TKKT + DT	55,831		55,831	
7	Chi phí thẩm tra TKBVTC và DT	87,640		87,640	
8	Chi phí thẩm duyệt PCCC		10,36	10,365	10,365
9	Chi phí kiểm tra nghiệm thu công trình		570,73	570,734	570,734
VI	Dự phòng:	23.584,922		1.115,615	-22.469,307
	Tổng cộng:	259.113,868	22.469,31	259.113,868	0,000